

Lào Cai, ngày tháng 5 năm 2026

Số: /TB-CLPTNT

THÔNG BÁO

Mời các đơn vị tư vấn tham gia thẩm định giá gói thầu: “Phân tích chỉ tiêu an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông lâm thủy sản phục vụ kiểm tra, giám sát, hậu kiểm các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản tỉnh Lào Cai năm 2026”

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-SNNMT ngày 24/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 đối với các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai; Quyết định số 108/QĐ-CLPTNT ngày 31/12/2025 của Chi cục Chất lượng và PTNT Lào Cai về việc phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026.

Căn cứ các Kế hoạch: Số 08/KH-SNNMT ngày 16/01/2026; Số 56/KH-SNNMT ngày 02/4/2026; Số 57/KH-SNNMT ngày 02/4/2026; Số 58/KH-SNNMT ngày 03/4/2026; Số 65/KH-SNNMT ngày 10/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai.

Để có căn cứ thực hiện lập dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Phân tích chỉ tiêu an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông lâm thủy sản phục vụ kiểm tra, giám sát, hậu kiểm các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản tỉnh Lào Cai năm 2026”. Chi cục Chất lượng và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai thông báo và mời các Công ty, doanh nghiệp thẩm định giá có năng lực tham gia cung cấp dịch vụ thẩm định giá, cụ thể như sau:

1. Đơn vị đề nghị thẩm định giá

- Tên đơn vị: Chi cục Chất lượng và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai.
- Địa chỉ: Tổ dân phố Đồng Tâm 10, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai

2. Danh mục thẩm định giá: Theo Phụ biểu gửi kèm

3. Thời điểm thẩm định giá: Tháng 5 năm 2026.

4. Mục đích thẩm định giá: Xác định giá thị trường, làm cơ sở lập dự toán, thẩm định dự toán, phê duyệt giá gói thầu: “Phân tích chỉ tiêu an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông lâm thủy sản phục vụ kiểm tra, giám sát, hậu kiểm các cơ

sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản tỉnh Lào Cai năm 2026”.

5. Tiêu chí lựa chọn tổ chức thẩm định giá

- Là tổ chức tư vấn định giá được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (còn hiệu lực).
- Người thực hiện thẩm định phải là thẩm định viên về giá đã được Bộ Tài chính cấp phép hoạt động (đang được phép hành nghề).

6. Hồ sơ đăng ký

- Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp;
- Bản mô tả năng lực kinh nghiệm;
- Thư chào giá dịch vụ thẩm định giá và Chi phí dịch vụ kèm theo.

Chi cục Chất lượng và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Chi cục Chất lượng và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai (địa chỉ: <https://ccclptnt.laocai.gov.vn/>), Công TTĐT Sở Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ: <https://snnmt.laocai.gov.vn/>), đến các đơn vị cung cấp dịch vụ tham gia thẩm định giá. Đề nghị Quý công ty, doanh nghiệp quan tâm, có nhu cầu tham gia thẩm định giá, gửi hồ sơ về Chi cục Chất lượng và Phát triển nông thôn Lào Cai **trước ngày 22/5/2026**; địa chỉ: Tổ dân phố Đồng Tâm 10, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Chi cục (Ô Huy, Ô Hùng);
- Công TTĐT Sở Nông nghiệp và MT;
- Lưu: VT, KT, CLCBPTTT.

CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Huy

PHỤ LỤC: DANH MỤC THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Thông báo số /TB-CLPTNT ngày /5/2026 của Chi cục Chất lượng và PTNT tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Kiểm tra chứng nhận an toàn thực phẩm	Mẫu	13	
1	Thịt gà phân tích	Mẫu	1	
*	<i>Chi tiết cho 1 mẫu thịt gà</i>			
	Auramine O (Vàng O)	Chỉ tiêu	1	
	Chloramphenicol	Chỉ tiêu	1	
2	Thịt lợn sấy	Mẫu	2	
*	Chi tiết cho 1 mẫu			
	Phân tích chất cấm sử dụng: Salbutamol, Clenbuterol, Ractopamine (03 chỉ tiêu)	Nhóm chỉ tiêu	1	
3	Mẫu giò, chả, xúc xích phân tích	Mẫu	4	
*	<i>Chi tiết cho 1 mẫu</i>			
	Polyphosphate	Chỉ tiêu	1	
	Hàn the (Borax)	Chỉ tiêu	1	
4	Mẫu quả	Mẫu	2	
*	Đa dư lượng thuốc BVTV trong mẫu quả (30 chỉ tiêu/mẫu)	Nhóm chỉ tiêu	1	
5	Gạo các loại phân tích	Mẫu	2	
*	<i>Chi tiết cho 1 mẫu gạo</i>			
	Cypermethrin	Chỉ tiêu	1	
	Chlorpyrifos	Chỉ tiêu	1	
6	Quế thanh, bột	Mẫu	2	
*	<i>Chi tiết cho 1 mẫu quế</i>			
	Asen (As)	Chỉ tiêu	1	

	Cadimi (Cd)	Chỉ tiêu	1	
	Chì (Pb)	Chỉ tiêu	1	
	Nấm men, nấm mốc	Chỉ tiêu	1	
II	Giám sát phân tích chất lượng, ATTP trong sản xuất chế biến chè	Mẫu	4	
*	<i>Chi tiết cho 01 mẫu chè</i>			
+	Dư lượng thuốc BVTV			
	<i>Chlorpyrifos</i>	Chỉ tiêu	1	
	<i>Cypermethrin</i>	Chỉ tiêu	1	
+	Hàm lượng kim loại nặng: As, Cd, Pb (03 chỉ tiêu)	Chỉ tiêu	3	
III	Kiểm tra đột xuất	Đột	2	
*	Kinh phí phân tích mẫu cho 01 đột	Đột	1	
-	Phân tích mẫu rau: 3 mẫu	Mẫu	3	
	<i>Đa dư lượng thuốc BVTV (30 chỉ tiêu/mẫu)</i>	Nhóm chỉ tiêu	1	
-	Phân tích mẫu thịt và sản phẩm từ thịt: 5 mẫu	Mẫu	5	
	Dư lượng kháng sinh: Tetracylin, Oxytetracylin, Chlotetracylin (3 chỉ tiêu)	Nhóm chỉ tiêu	1	
	Dư lượng hoá chất cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi Salbutamol, Clenbuterol, Ractopamine (3 chỉ tiêu)	Nhóm chỉ tiêu	1	
-	Phân tích mẫu thủy sản và sản phẩm từ thủy sản: 5 mẫu	Mẫu	5	
	Hàm lượng Pb, Cd	CT/Mẫu	2	
	Dư lượng thuốc kháng sinh, chất cấm gồm: Chloramphenicol, Nhóm Nitrofurán, Nhóm Fluoroquinolones	Nhóm chỉ tiêu	3	
IV	Kiểm tra định kỳ	Mẫu	12	
1	Rau, quả theo mùa : 02 mẫu	Mẫu	2	
+	Chi tiết cho 1 mẫu rau, quả			

	Phân tích đa dư lượng thuốc BVTV (30 chỉ tiêu/mẫu)	Nhóm chỉ tiêu	1	
	Kim loại nặng: Cd, Pb	Chỉ tiêu	2	
2	Mẫu thịt: 02 mẫu	Mẫu	2	
*	Chi tiết cho 1 mẫu thịt			
	Dư lượng thuốc kháng sinh, nhóm Sulfonamides:Sulfadiazine, Sulfadimidine (02 chỉ tiêu)	Nhóm chỉ tiêu	1	
	Dư lượng hoá chất cấm sử dụng: Salbutamol, Clenbuterol, Ractopamine (03 chỉ tiêu)	Chỉ tiêu	3	
	Chloramphenicol	Chỉ tiêu	1	
3	Mẫu thủy sản nước lạnh (cá hồi cá tầm): 02 mẫu	Mẫu	2	
*	Chi tiết cho 1 mẫu cá			
	Chloramphenicol	Chỉ tiêu	1	
	Nhóm Nitrofurans	Nhóm chỉ tiêu	1	
	Nhóm Fluoroquinolones	Nhóm chỉ tiêu	1	
	Hàm lượng Malachit Green	Chỉ tiêu	1	
4	Phân tích mẫu hải sản (khô/đông lạnh): 06 mẫu	Mẫu	6	
*	Chi tiết cho 1 mẫu hải sản			
	Chỉ tiêu chất bảo quản: Ure, Sodium benzoat (02 chỉ tiêu)	Nhóm chỉ tiêu	1	
	Hàm lượng kim loại nặng: Cd	Chỉ tiêu	1	
V	Hậu kiểm tự công bố	Mẫu	37	
1	Nhóm sản phẩm chế biến từ thực vật: 10 mẫu	Mẫu	10	
	Kim loại nặng: 03 chỉ tiêu gồm As, Pb, Cd	Chỉ tiêu	3	
	Phân tích đa dư lượng thuốc BVTV (30 chỉ tiêu/mẫu)	Nhóm chỉ tiêu	1	
	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	Chỉ tiêu	1	

2	Nhóm sản phẩm chế biến từ động vật: 12 mẫu	Mẫu	12	
	Hàm lượng Formaldehyde	Chỉ tiêu	1	
	Hàm lượng hoá chất cấm sử dụng Salbutamol, Clenbuterol, Ractopamine (03 chỉ tiêu)	Nhóm chỉ tiêu	1	
	Hàm lượng chất bảo quản nhóm benzoat và nhóm sorbat	Nhóm chỉ tiêu	2	
	Hàm lượng Borax	Chỉ tiêu	1	
	Hàm lượng Polyphosphate	Chỉ tiêu	1	
3	Nhóm sản phẩm chế biến từ thủy sản: 10 mẫu	Mẫu	10	
	Hàm lượng chất bảo quản nhóm benzoat và nhóm sorbat	Nhóm chỉ tiêu	2	
	Hàm lượng Polyphosphate	Chỉ tiêu	1	
	Hàm lượng Malachit Green	Nhóm chỉ tiêu	1	
	Chỉ tiêu Chloramphenicol:	Chỉ tiêu	1	
	Hàm lượng Kim loại nặng: 03 chỉ tiêu (Cd, Hg, Pb)	Chỉ tiêu	3	
4	Nhóm các sản phẩm chế biến khác: gia vị, nước chấm, nước sốt, tương ớt, chấm chéo, mật ong ...: 05 mẫu	Mẫu	5	
	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	Chỉ tiêu	1	
	Hàm lượng chất bảo quản nhóm benzoat và nhóm sorbat	Nhóm chỉ tiêu	2	